

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**BẢN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE  
CHỖ NGƯỜI BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ NHẬP KHẨU**  
*(Declaration form for quality technical safety and environmental protection inspection for imported low-speed vehicles)*

**Kính gửi (To): Cục Đăng kiểm Việt Nam**

**Cơ sở nhập khẩu (Importer):**

**Địa chỉ (Address):**

Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe chỗ người bón bánh có gắn động cơ nhập khẩu với các nội dung sau *(Request for quality technical safety and environmental protection inspection of imported low-speed vehicles with the following contents).*

**Hồ sơ kèm theo (Attached document).**

- + Hóa đơn thương mại/ giấy tờ tương đương *(Commerce invoice/Equivalent document)*: ≤
- + Tài liệu kỹ thuật *(Technical document)*: ≤
- + Bản kê chi tiết kèm theo gồm *(Attached)* ..... trang *(Page(s))* ≤
- + Các giấy tờ khác *(Other related document)*: ≤

**Thời gian và địa điểm kiểm tra dự kiến (Date and anticipated inspection site):**

.....

**Người đại diện ((Representative) ..... Số điện thoại (Phone No.): .....**

**Xác nhận của Cơ quan kiểm tra**  
*(Confirm of Inspection body)*  
Vào sổ đăng ký số:  
*(Registered No)*  
*(Place and date), ngày tháng năm*  
**Đại diện Cơ quan kiểm tra**  
*(Inspection Body)*

*(Place and date), ngày tháng năm*  
**Đại diện cơ sở nhập khẩu**  
*(Importer)*

**BẢN KÊ CHI TIẾT XE CHỖ NGƯỜI BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ NHẬP KHẨU**  
(Detail list of imported low-speed vehicles)

(Kèm theo Bản đăng ký kiểm tra số (Attached to Declaration form with Registered No):  
.....)

| TT<br>(No.) | Nhãn hiệu/số<br>loại<br>(Mark/Model<br>code) | Năm sản<br>xuất<br>(Production<br>year) | Số khung<br>(hoặc số VIN)<br>(Chassis or<br>VIN No) | Số động cơ<br>(Engine No) | Mục đích sử<br>dụng (Using<br>purpose) | Tình trạng phương<br>tiện (Vehicle's status) |                             |
|-------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------|
|             |                                              |                                         |                                                     |                           |                                        | Chưa qua<br>sử dụng<br>(Brand<br>New)        | Đã qua sử<br>dụng<br>(Used) |
| 1.          |                                              |                                         |                                                     |                           |                                        | ≤                                            | ≤                           |
| 2.          |                                              |                                         |                                                     |                           |                                        | ≤                                            | ≤                           |
| 3.          |                                              |                                         |                                                     |                           |                                        | ≤                                            | ≤                           |
| 4.          |                                              |                                         |                                                     |                           |                                        | ≤                                            | ≤                           |
| 5.          |                                              |                                         |                                                     |                           |                                        | ≤                                            | ≤                           |
| 6.          |                                              |                                         |                                                     |                           |                                        | ≤                                            | ≤                           |
| 7.          |                                              |                                         |                                                     |                           |                                        | ≤                                            | ≤                           |
| 8.          |                                              |                                         |                                                     |                           |                                        | ≤                                            | ≤                           |

**BẢN ĐĂNG KÝ THÔNG BÁO THAY ĐỔI  
THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM KIỂM TRA XE CHỖ NGƯỜI BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ NHẬP  
KHẨU**

(Request for changing date and inspection site)

Cơ sở nhập khẩu (Importer):  
.....  
.....

Số đăng ký kiểm tra (Registered No for inspection): ..... Số Tờ khai hàng hóa nhập khẩu  
(Customs declaration No): .....

Thời gian kiểm tra (Inspection date) ..... Địa điểm kiểm tra (Inspection site):  
.....

Người liên hệ (Contact person): ..... Số điện thoại (Tel No):  
.....

| TT<br>(No.)                                                | Nhãn hiệu/số<br>loại (Mark/Model<br>code) | Số khung (hoặc số<br>VIN)<br>(Chassis or VIN No) | Số động cơ<br>(Engine No) | Ghi chú<br>(Remarks)                                            |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1.                                                         |                                           |                                                  |                           |                                                                 |
| 2.                                                         |                                           |                                                  |                           |                                                                 |
| 3.                                                         |                                           |                                                  |                           |                                                                 |
| 4.                                                         |                                           |                                                  |                           |                                                                 |
| 5.                                                         |                                           |                                                  |                           |                                                                 |
| 6.                                                         |                                           |                                                  |                           |                                                                 |
| 7.                                                         |                                           |                                                  |                           |                                                                 |
| 8.                                                         |                                           |                                                  |                           |                                                                 |
| Thông tin khác (nếu có):<br>(Others information (if any)): |                                           |                                                  |                           | , ngày (date) tháng năm<br><b>Cơ sở nhập khẩu</b><br>(Importer) |

(Chỉ sử dụng khi Cơ sở nhập khẩu thay đổi thời gian và địa điểm kiểm tra)  
(Apply only if Importer changes date and inspection site)

